

PHIẾU KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ CÁC CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TƯ NHÂN

A	THÔNG TIN CHUNG (Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (KBCB) cần điền đầy đủ các thông tin trong phần này)	
	Nội dung	Thông tin của cơ sở KBCB
	Tên Cơ sở KBCB:	
	Số GPHĐ:	
	Ngày cấp GPHĐ:	
	Số QĐ phê duyệt DMCMKT theo thông tư 43/2013/TT-BYT:	
	Ngày ban hành QĐ Phê duyệt DMCMKT:	
	Hình thức tổ chức:	Đa khoa Chuyên khoa
	Họ, tên người chịu trách nhiệm CMKT:	
	Số CCHN người chịu trách nhiệm CMKT:	
Đầu mối trả lời khảo sát: (Điền đầy đủ: Họ tên, chức vụ, vị trí công tác, số điện thoại di động, email)		
B	TIÊU CHUẨN KHẢO SÁT: (Cơ sở KBCB cần điền tất cả các ô tiêu chuẩn. Cách điền như sau: Cơ sở KBCB điền <u>số 1</u> vào cột <u>Đáp ứng/không đáp ứng tương ứng với ô tiêu chuẩn mà cơ sở <u>đáp ứng hoặc có thực hiện</u></u> , điền <u>số 0</u> vào các <u>Đáp ứng/không đáp ứng tương ứng với ô tiêu chuẩn mà cơ sở <u>không đáp ứng hoặc không thực hiện</u></u>)	
	Tiêu chuẩn	Đáp ứng/Không đáp ứng
I	QUY MÔ VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	
	1. Số giường bệnh	
	Trên 400 giường	
	Từ 350 giường đến dưới 400 giường	
	Từ 150 giường đến 349 giường	
	Từ 100 giường đến 149 giường	
	Từ 30 đến 99 giường	
	2. Tỷ lệ người bệnh Nội trú thuộc đối tượng chăm sóc cấp một/ tổng số người bệnh Nội trú	
	< 10% số người bệnh nội trú	
	≥ 10% đến < 15% số người bệnh nội trú	

	$\geq 15\%$ đến $< 25\%$ số người bệnh nội trú	
	$\geq 25\%$ Số người bệnh nội trú	
	3. Tổ chức chăm sóc người bệnh	
	$< 50\%$ số khoa tổ chức chăm sóc toàn diện	
	$\geq 50\%$ số khoa trở lên tổ chức chăm sóc toàn diện	
II	CƠ CẤU LAO ĐỘNG, TRÌNH ĐỘ CÁN BỘ:	
1	Cơ cấu lao động:	
a	Tuyển lao động:	
	Bảo đảm tuyển đủ lao động theo quy định Thông tư 08/2005/TTLT-BYT - BNV	
	Không bảo đảm tuyển đủ lao động theo quy định Thông tư 08/2005/TTLT-BYT – BNV	
b	Tỷ lệ Điều dưỡng viên/ 1 Bác sỹ (ở các khoa lâm sàng):	
	< 2 (ĐDV/Bác sỹ)	
	≥ 2 (ĐDV/Bác sỹ)	
c	Tỷ lệ cán bộ chuyên môn của khu vực lâm sàng, cận lâm sàng và dược	
	$< 75\%$ tổng số cán bộ, nhân viên (bao gồm cả nhân viên hành chính)	
	$\geq 75\%$ tổng số cán bộ, nhân viên (bao gồm cả nhân viên hành chính)	
2	Trình độ cán bộ:	
a	Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của Cơ sở:	
	Người chịu TN CMKT có trình độ chuyên môn sau đại học; có chứng chỉ về quản lý hành chính hoặc quản lý BV	
	Không đáp ứng tiêu chuẩn trên	
b	Các trưởng khoa phụ trách chuyên môn kỹ thuật của khoa:	
	$\geq 60\%$ có trình độ Tiến sĩ/ Chuyên khoa 2, còn lại tối thiểu trình độ đại học	
	Từ $\geq 20\%$ đến $< 60\%$ có trình độ sau đại học còn lại là trình độ đại học	
	$< 20\%$ có trình độ sau đại học còn lại là trình độ đại học	
c	Trình độ của bác sỹ tại ở các khoa lâm sàng:	
	$> 50\%$ có trình độ sau đại học, còn lại là đại học	

	Từ $\geq 20\%$ đến $\leq 50\%$ có trình độ sau đại học, còn lại là đại học	
	$< 20\%$ có trình độ sau đại học, còn lại là đại học	
d	Trình độ của điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên hành nghề ở các khoa lâm sàng	
	$\geq 20\%$ có trình độ cao đẳng, đại học, còn lại là trung học	
	Từ $\geq 10\%$ đến $< 20\%$ có trình độ cao đẳng, đại học, còn lại là trung học	
	$< 10\%$ có trình độ cao đẳng, đại học, còn lại là trung học	
III	PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN: Lưu ý: Cơ sở KBCB sau khi điền thông tin phần này cần thực hiện điền đầy đủ thông tin danh mục CMKT được phê duyệt theo TT43/2013/TT-BYT theo mẫu tại sheet <III.B1. PV HĐCM theo CK>	
1	Các kỹ thuật chuyên môn tuyển I	
	Được phê duyệt 100% các kỹ thuật của chuyên khoa tại tuyển I;	
	Được phê duyệt từ $\geq 70\%$ đến $< 100\%$ các kỹ thuật của chuyên khoa tại tuyển I;	
	Được phê duyệt từ $\geq 50\%$ đến $< 70\%$ các kỹ thuật của chuyên khoa tại tuyển I;	
	Được phê duyệt $< 50\%$ các kỹ thuật của chuyên khoa tại tuyển I;	
2	Các kỹ thuật chuyên môn tuyển II	
	Được phê duyệt 100% các kỹ thuật của chuyên khoa tại tuyển II;	
	Được phê duyệt từ $\geq 70\%$ đến $< 100\%$ các kỹ thuật của chuyên khoa tại tuyển II;	
	Được phê duyệt từ $\geq 50\%$ đến $< 70\%$ các kỹ thuật của chuyên khoa tại tuyển II;	
	Được phê duyệt $< 50\%$ các kỹ thuật của chuyên khoa tại tuyển II;	
3	Các kỹ thuật chuyên môn tuyển III	
	Được phê duyệt 100% các kỹ thuật của chuyên khoa tại tuyển III;	
	Được phê duyệt từ $\geq 70\%$ đến $< 100\%$ các kỹ thuật của chuyên khoa tại tuyển III;	
	Được phê duyệt từ $\geq 50\%$ đến $< 70\%$ các kỹ thuật của chuyên khoa tại tuyển III;	

	Được phê duyệt < 50% các kỹ thuật của chuyên khoa tại tuyến III;	
4	Các kỹ thuật chuyên môn tuyến 4	
	Được phê duyệt 100% các kỹ thuật của chuyên khoa tại tuyến IV;	
	Được phê duyệt từ $\geq 70\%$ đến < 100% các kỹ thuật của chuyên khoa tại tuyến IV;	
	Được phê duyệt từ $\geq 50\%$ đến < 70% các kỹ thuật của chuyên khoa tại tuyến IV;	
	Được phê duyệt < 50% các kỹ thuật của chuyên khoa tại tuyến IV;	
IV	CƠ SỞ HẠ TẦNG - TRANG THIẾT BỊ	
1	Xây dựng	
	Nhà xây cấp II trở lên; Kiến trúc theo tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm cơ cấu, dây truyền hoạt động	
	Không đáp ứng tiêu chuẩn trên	
2	Khu kỹ thuật	
	Khu kỹ thuật (phòng mổ, hồi sức, phòng đẻ, phòng thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật, phòng X quang...) đáp ứng tiêu chuẩn thiết kế, xây dựng	
	Không đáp ứng tiêu chuẩn trên	
3	Tiện nghi, khoa, buồng	
	Có nước sạch, có công trình vệ sinh bảo đảm	
	Khoa Hồi sức cấp cứu, Phòng đẻ, Phòng phẫu thuật, thủ thuật, Xét nghiệm, Chẩn đoán hình ảnh có điều hoà nhiệt độ	
	Phòng hồi sức cấp cứu, Phòng đẻ, Phòng phẫu thuật có phương tiện gọi trực khẩn cấp	
	Đủ phương tiện chiếu sáng, có đủ quạt máy tại các buồng bệnh	
	Không đáp ứng tiêu chuẩn trên	
4	Có hệ thống điện ưu tiên, an toàn, có máy phát điện dự trữ	
5	Đường giao thông nội bộ đảm bảo vệ sinh, an toàn và thuận lợi khi vận chuyển	
6	Đảm bảo cung cấp đủ nước sạch	
7	Có hệ thống xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng toàn bệnh viện đang hoạt động	
8	Trang thiết bị Y tế	
	Đủ TTB phù hợp theo danh mục quy định tại bệnh viện	
	Không đầy đủ theo danh mục	

V	VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ	
1	Tham gia đào tạo cán bộ, là cơ sở thực hành của các đối tượng sau:	
	Đại học và sau đại học	
	Trung học	
	Sơ học	
	Thực hiện đào tạo liên tục trong bệnh viện	
2	Tham gia nghiên cứu khoa học	
	Đề tài cấp Nhà nước	
	Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW	
	Đề tài cấp Cơ sở	
VI	HẠNG ĐẶC BIỆT	
	Quy mô giường bệnh: từ 1000 giường bệnh trở lên;	
	Trên 70% số khoa lâm sàng tổ chức chăm sóc người bệnh toàn diện;	
	100% Trưởng, phó khoa phòng có trình độ sau đại học	
	Diện tích sàn bình quân trên giường bệnh từ 60 m2 trở lên	
	Có hệ thống máy tính nối mạng toàn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	
	Có trang thiết bị và thực hiện được các kỹ thuật tiên tiến, chuyên sâu trong xét nghiệm huyết học, sinh hoá, vi sinh vật, miễn dịch huyết học, huyết thanh, virus, sinh học phân tử, phóng xạ, giải phẫu bệnh lý... (Các xét nghiệm chẩn đoán ung thư, xác định kháng nguyên, kháng thể, định danh vi khuẩn, virus, cấu trúc nhiễm sắc thể, cấu trúc gen, xét nghiệm sinh học phân tử, đông máu v.v...)	
	Có trang thiết bị đặc hiệu và thực hiện được các xét nghiệm, thăm dò chức năng, chẩn đoán hình ảnh phức tạp, chuyên sâu (CT scan, MRI, chụp mạch máu DSA, C-arm, siêu âm màu doppler v.v...)	
	Có trang thiết bị đặc hiệu và thực hiện được các kỹ thuật y học tiên tiến, phức tạp, chuyên khoa sâu, như: cấy ghép mô, tạng, vi phẫu thuật, thụ tinh trong ống nghiệm, mổ tim hở, can thiệp động mạch, thông tim, thăm dò phóng xạ, xạ trị, các phẫu thuật sọ não, thần kinh, mạch máu, phẫu thuật tạo hình sử dụng vật liệu nhân tạo thay thế v.v...	

III. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN
B1 SỐ LƯỢNG DANH MỤC CMKT ĐƯỢC PHÊ DUYỆT THEO TT43/2013/TT-BYT TRONG TỪNG CHUYÊN KHOA

CHUYÊN KHOA				SỐ LƯỢNG CMKT THEO TUYẾN THỰC HIỆN ĐƯỢC (Cơ sở KBCB nhập số lượng chuyên môn kỹ thuật tương ứng đối với các tuyến mà cơ sở KBCB đã được phê duyệt theo TT 43, lưu ý chỉ nhập số lượng cmkt của tuyến đó, không tính các cmkt của tuyến thấp hơn, VD: CMKT Tuyến I là chỉ các CMKT chỉ có Tuyến I được thực hiện, không tính các kỹ thuật tuyến II,III,IV, Chỉ nhập vào phần DMKT đã được phê duyệt, Tỷ lệ % sẽ tự động nhảy)			
SỐ TT CHUYÊN KHOA THEO TT 43	TÊN CHUYÊN KHOA	CHUYÊN KHOA ĐƯỢC PHÊ DUYỆT (Cơ sở KCB gõ số 1 tương ứng với những chuyên khoa đã được phê duyệt trong 28 chuyên khoa theo TT43, đánh số 0 đối với những chuyên khoa không được phê duyệt)		Tuyến I (Không tính các kỹ thuật tuyến II,III,IV)	Tuyến II (Không tính các kỹ thuật tuyến III,IV)	Tuyến III (Không tính các kỹ thuật tuyến IV)	Tuyến IV
1	Hồi sức cấp cứu và Chống độc		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	19	93	136	56
			Tỷ lệ %	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
2	Nội khoa		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	82	250	75	24
			Tỷ lệ %	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
3	Nhi khoa		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	644	2,236	819	471
			Tỷ lệ %	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
4	Lao (ngoại lao)		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	8	29	4	0
			Tỷ lệ %	0.00%	0.00%	0.00%	

5	Da liễu		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	0	75	12	2
			Tỷ lệ %		0.00%	0.00%	0.00%
6	Tâm thần		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	0	64	7	12
			Tỷ lệ %		0.00%	0.00%	0.00%
7	Nội tiết		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	62	165	13	5
			Tỷ lệ %	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
8	Y học cổ truyền		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	0	85	207	190
			Tỷ lệ %		0.00%	0.00%	0.00%
9	Gây mê hồi sức		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	178	3,671	925	3
			Tỷ lệ %	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
10	Ngoại khoa		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	377	615	116	5
			Tỷ lệ %	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
11	Bỏng		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	27	61	33	10
			Tỷ lệ %	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
12	Ung bướu		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	45	316	40	0
			Tỷ lệ %	0.00%	0.00%	0.00%	
13	Phụ sản		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	10	125	85	21
			Tỷ lệ %	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%

14	Mắt		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	19	181	70	17
			Tỷ lệ %	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
15	Tai mũi họng		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	0	237	103	17
			Tỷ lệ %		0.00%	0.00%	0.00%
16	Răng hàm mặt		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	46	222	58	21
			Tỷ lệ %	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
17	Phục hồi chức năng		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	0	25	22	109
			Tỷ lệ %		0.00%	0.00%	0.00%
18	Điện quang		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	29	544	67	35
			Tỷ lệ %	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
19	Y học hạt nhân		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	0	390	0	0
			Tỷ lệ %		0.00%		
20	Nội soi chẩn đoán, can thiệp		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	27	71	8	0
			Tỷ lệ %	0.00%	0.00%	0.00%	
21	Thăm dò chức năng		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	30	63	27	7
			Tỷ lệ %	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
22	Huyết học - truyền máu		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	175	307	71	11
			Tỷ lệ %	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%

23	Hóa sinh		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	82	77	53	11
			Tỷ lệ %	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
24	Vi sinh, ký sinh trùng		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	3	200	79	54
			Tỷ lệ %	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
25	Giải phẫu bệnh và Tế bào bệnh học		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	13	60	12	5
			Tỷ lệ %	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
26	Vi phẫu		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	30	28	0	0
			Tỷ lệ %	0.00%	0.00%		
27	Phẫu thuật nội soi		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	255	234	9	0
			Tỷ lệ %	0.00%	0.00%	0.00%	
28	Tạo hình-Thẩm mỹ		DMKT đã được phê duyệt				
			DMKT tại TT43	0	327	158	9
			Tỷ lệ %		0.00%	0.00%	0.00%